

TỈNH ỦY ĐẮK LẮK
VĂN PHÒNG

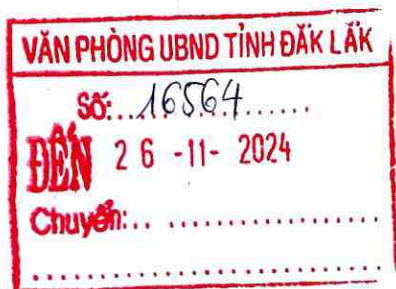
*

Số 5154-CV/VPTU

Về việc thực hiện Quyết định số 1385/QĐ-TTg
ngày 14/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc
ban hành Danh mục bí mật nhà nước của Đảng

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đắk Lắk, ngày 25 tháng 11 năm 2024



Kính gửi: - Các đảng đoàn, ban cán sự đảng của tỉnh,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Ban Thường vụ Tỉnh đoàn,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc.

Ngày 14/11/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1385/QĐ-TTg về việc ban hành Danh mục bí mật nhà nước của Đảng.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy gửi Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 14/11/2024 nêu trên của Thủ tướng Chính phủ (photocopy gửi kèm theo) đến: Các đảng đoàn, ban cán sự đảng của tỉnh, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, các huyện ủy, thị ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy để lãnh đạo, triển khai thực hiện bảo đảm theo đúng quy định.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo),
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy (ĐH).

CHÁNH VĂN PHÒNG



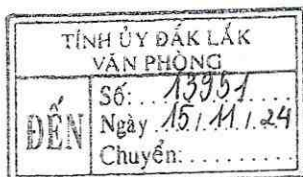
Nguyễn Đình Viên

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1385/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2024



QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Danh mục bí mật nhà nước của Đảng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bí mật nhà nước độ Tuyệt mật gồm:

1. Thông tin về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng gồm: Quyết định, kế hoạch, kết luận, tờ trình, báo cáo, thông báo, văn bản của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (sau đây gọi tắt là Trung ương Đảng), Ủy ban Kiểm tra Trung ương về kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, xem xét thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo đối với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư chưa công khai.
2. Thông tin về công tác tổ chức xây dựng đảng gồm:
 - a) Quyết định, kết luận, tờ trình, kế hoạch, báo cáo, thông báo, văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tiểu ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương về kết quả kiểm tra, xác minh vấn đề chính trị của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư chưa công khai.
 - b) Báo cáo, tờ trình, thông báo, quyết định, kết luận, văn bản của Trung ương Đảng, cấp ủy, cơ quan, tổ chức đang ở Trung ương; các ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ chức kiêm nhiệm khác về công tác tổ chức, cán bộ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương thành lập và tổ giúp việc, tổ biên tập của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương về quá trình chuẩn bị, đề án, phương án nhân sự Ủy viên Bộ Chính trị là Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội, Thường trực Ban Bí thư chưa công khai.

3. Thông tin về công tác đối ngoại đảng, đối ngoại nhân dân gồm:

a) Quyết định, kết luận, báo cáo, kế hoạch, đề án, phương án, tờ trình, văn bản của Trung ương Đảng về chiến lược đối ngoại liên quan đến an ninh quốc gia, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; quan hệ đối ngoại của Đảng ta với các đảng, các nước lớn, các nước láng giềng về vấn đề biên giới lãnh thổ, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên đất liền, vùng trời, vùng biển, hải đảo, thềm lục địa của nước ta.

b) Đề án chính trị, biên bản, báo cáo kết quả hội đàm của Bộ Chính trị, Tổng Bí thư, Thường trực Ban Bí thư đi thăm, làm việc với các đảng, các nước và đón các đoàn cấp cao các đảng, các nước vào thăm, làm việc tại Việt Nam có nội dung đánh giá, trao đổi về quan hệ chính trị đặc biệt với nước ta.

c) Báo cáo, đề án, tờ trình của Ban Đối ngoại Trung ương kiến nghị Trung ương Đảng các chủ trương, chính sách của Đảng về vấn đề đối ngoại và quan hệ của Đảng ta với các đảng, các nước lớn, các nước láng giềng có nội dung liên quan đến chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và biên giới quốc gia.

4. Thông tin về kinh tế - xã hội gồm: Quyết định, kết luận, báo cáo, thông báo, văn bản của Trung ương Đảng và báo cáo, tờ trình, văn bản của cơ quan, tổ chức đảng trình xin ý kiến Trung ương Đảng về kinh phí đặc biệt dành cho quốc phòng, an ninh; về chủ trương thu, đổi tiền, phát hành tiền chưa công khai.

5. Thông tin về công tác dân vận gồm: Chỉ thị, nghị quyết, quyết định, kế hoạch, báo cáo, chương trình, thông báo, kết luận, văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về vấn đề dân tộc, về công tác dân tộc liên quan đến lợi ích quốc gia, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia; chủ trương chỉ đạo, biện pháp xử lý đối với các vấn đề phức tạp về tôn giáo cấp nhà nước chưa công khai.

6. Thông tin về quốc phòng, an ninh gồm:

a) Chỉ thị, nghị quyết, quyết định, thông báo, kết luận, biên bản, văn bản của Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, ý kiến chỉ đạo của Tổng Bí thư về xử lý các tình huống chiến tranh, phòng thủ đất nước, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; chủ trương về phát triển vũ khí công nghệ cao, tác chiến trên không gian mạng của Quân ủy Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương.

b) Chỉ thị, nghị quyết, quyết định, thông báo, kết luận, văn bản của Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Đảng ủy quân sự tỉnh, Đảng ủy công an tỉnh, Đảng ủy quân sự huyện, Đảng ủy công an huyện về hoạt động, phương hướng hoạt động của lực lượng tình báo, lực lượng kỹ thuật nghiệp vụ trong bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia; xác định các đối tượng, phương án, đối sách đấu tranh, quy trình xử lý tình huống nghiệp vụ đối với các đối tượng, thế lực thù địch trong và ngoài nước có âm mưu, hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước, xâm phạm chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đe dọa xâm phạm chủ quyền, an ninh quốc gia.

7. Thông tin về khoa học và công nghệ gồm: văn bản, ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cơ quan, tổ chức đảng về chủ trương triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt có ý nghĩa quyết định đến khả năng tác chiến phòng thủ đất nước, bảo vệ Tổ quốc.

Điều 2. Bí mật nhà nước độ Tối mật gồm:

1. Thông tin về lãnh đạo, chỉ đạo chung gồm:

a) Quyết định, kết luận, biên bản, văn bản, ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư về xử lý các vụ việc phức tạp liên quan đến đối ngoại, an ninh quốc gia, các điểm nóng về an ninh trật tự; giải quyết các vụ việc phức tạp về chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế chưa công khai.

b) Quyết định, kết luận, báo cáo, tờ trình, văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Văn phòng Trung ương Đảng về tài sản và kinh phí hoạt động đặc biệt của đảng chưa công khai.

2. Thông tin về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng gồm:

a) Quyết định, kế hoạch, báo cáo, thông báo, biên bản, văn bản của Trung ương Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương về việc giám sát, giải quyết khiếu nại đối với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư chưa công khai.

b) Quyết định, kế hoạch, kết luận, tờ trình, báo cáo, thông báo, biên bản, công văn của Trung ương Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương về kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, xem xét thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo đối với các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương chưa công khai (trừ nội dung quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này).

3. Thông tin về công tác tổ chức xây dựng đảng gồm:

a) Quyết định, kết luận, báo cáo, tờ trình, thông báo, văn bản của Trung ương Đảng, cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng ở Trung ương, các ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ chức kiêm nhiệm khác về công tác tổ chức, cán bộ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương thành lập và tổ giúp việc, tổ biên tập của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương về chuẩn bị, đề án, phương án, quy hoạch nhân sự Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy cấp tỉnh quản lý chuẩn bị cho nhiệm kỳ khóa mới và xây dựng, quản lý đội ngũ cán bộ cấp chiến lược chưa công khai (trừ văn bản thành lập các ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ chức kiêm nhiệm, tổ giúp việc, tổ biên tập).

b) Chỉ thị, nghị quyết, kết luận, đề án, phương án, kế hoạch, tờ trình, văn bản (trừ các Quyết định, thông báo) của Trung ương Đảng, cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng ở Trung ương, các ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ chức kiêm nhiệm khác về công tác tổ chức, cán bộ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương thành lập và tổ giúp việc, tổ biên tập của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương về thẩm định, đánh giá, nhận xét, cho ý kiến việc bầu cử, ứng cử, điều động, bổ nhiệm, phân công, từ chức, miễn nhiệm, đình chỉ chức vụ, kỷ luật cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị quản lý.

c) Báo cáo, bản kiểm điểm, văn bản gợi ý kiểm điểm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư có nội dung kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, an ninh quốc gia.

d) Quyết định, kết luận, báo cáo, thông báo, văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tiểu ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương, các cơ quan đảng ở Trung ương đối với cán bộ, đảng viên có vấn đề về chính trị hiện nay thuộc diện Trung ương quản lý chưa công khai (trừ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Quyết định này).

4. Thông tin về công tác tuyên giáo gồm: Chỉ thị, nghị quyết, kết luận, đề án, tờ trình, kế hoạch, báo cáo, văn bản của Trung ương Đảng, Ban Tuyên giáo Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh, Ban chỉ đạo bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch cấp tỉnh trở lên về chủ trương, hướng dẫn, chỉ đạo, đánh giá công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, về xác định đối tượng, các biện pháp đấu tranh phòng, chống âm mưu thủ đoạn hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ chưa công khai; về công tác đấu tranh, phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

5. Thông tin về công tác đối ngoại đảng, đối ngoại nhân dân gồm:

a) Nghị quyết, quyết định, kết luận, báo cáo, tờ trình, văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Đối ngoại Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn về chủ trương kiến lập, phát triển, đình chỉ quan hệ của Đảng ta với các đảng, các nước, các đối tác chưa công khai.

b) Kết luận, phương án, đề án, báo cáo, tờ trình, văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Đối ngoại Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh về đàm phán, hoạch định đường biên giới quốc gia, đấu tranh bảo vệ vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam với các nước láng giềng.

c) Đề án, tờ trình, văn bản của Ban Đối ngoại Trung ương kiến nghị Trung ương Đảng về hoạt động đối ngoại cụ thể của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư và đón các đoàn của các đảng, các nước vào thăm, làm việc tại Việt Nam.

d) Văn bản, ý kiến chỉ đạo, phương án của Trung ương Đảng, Ban Đối ngoại Trung ương về đấu tranh chính trị, pháp lý, ngoại giao nhằm bảo vệ chủ quyền, quyền và lợi ích quốc gia.

6. Thông tin về kinh tế - xã hội gồm: Quyết định, kết luận, đề án, tờ trình, báo cáo, thông báo, văn bản của Trung ương Đảng, Ban Kinh tế Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh về chủ trương đầu tư, phát triển dự án kinh tế trọng điểm của đất nước phục vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh chưa công khai.

7. Thông tin về công tác dân vận gồm: Quyết định, kết luận, thông báo, báo cáo, văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Dân vận Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh, cấp ủy cấp huyện về chủ trương, hướng dẫn, trao đổi, chỉ đạo giải quyết, xử lý đối với các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc thiểu số có tác động, ảnh hưởng đến an ninh chính trị, quốc phòng, đối ngoại chưa công khai.

8. Thông tin về công tác nội chính: Kết luận, thông báo, tờ trình, văn bản, ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, Ban Nội chính Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh, Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực cấp tỉnh về phương hướng xử lý các vụ việc, vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; vụ việc, vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội; vụ việc, vụ án tham nhũng, tiêu cực, nổi cộm, phức tạp nghiêm trọng; vụ việc, vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm chưa công khai.

9. Thông tin về quốc phòng, an ninh gồm:

a) Chỉ thị, nghị quyết, quyết định, thông báo, kết luận, văn bản của Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, đảng ủy quân sự tỉnh, đảng ủy công an tỉnh, đảng ủy bộ đội biên phòng, đảng ủy từ cấp trên trực tiếp cơ sở đến cấp trực thuộc Quân ủy Trung ương, đảng ủy công an huyện về định hướng chủ trương, chỉ đạo kế hoạch tác chiến, xây dựng các thành phần tham gia thế trận phòng thủ đất nước, khu vực phòng thủ các tỉnh, thành phố; đánh giá, trao đổi về tình hình an ninh biên giới, hải đảo và phương án bảo vệ chủ quyền biên giới, lãnh thổ quốc gia.

b) Nghị quyết, quyết định, thông báo, kết luận, văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, đảng ủy quân sự tỉnh, đảng ủy công an tỉnh, đảng ủy quân sự huyện, đảng ủy công an huyện về trang bị vũ khí, khí tài, phương tiện thiết bị kỹ thuật, các mặt hàng đặc biệt trọng yếu phục vụ bảo vệ Tổ quốc và an ninh quốc gia.

c) Văn bản, ý kiến chỉ đạo của cơ quan, tổ chức đảng về triển khai các phương án, kế hoạch, lực lượng, biện pháp công tác bảo vệ an ninh quốc gia (trừ quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 Quyết định này).

10. Thông tin về khoa học và công nghệ gồm: văn bản của Trung ương Đảng, cơ quan, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương về chủ trương triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ quốc gia phục vụ quốc phòng, an ninh (trừ quy định tại khoản 7 Điều 1 Quyết định này).

11. Thông tin về tài nguyên và môi trường gồm: văn bản của Trung ương Đảng, cơ quan, tổ chức đảng về chủ trương, hướng dẫn, chỉ đạo việc đàm phán thành lập, duy trì, phát triển các tổ chức lưu vực sông quốc tế có liên quan đến Việt Nam; đàm phán bảo vệ quyền lợi quốc gia trong hoạt động khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước sông quốc tế.

Điều 3. Bí mật nhà nước độ Mật gồm:

1. Thông tin về lãnh đạo, chỉ đạo chung gồm:

a) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, văn kiện Đại hội đại biểu đảng bộ trực thuộc Trung ương trình xin ý kiến Trung ương Đảng và báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận, góp ý vào dự thảo văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng chưa công khai.

b) Chương trình công tác của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư; biên bản hội nghị của Trung ương Đảng chưa công khai.

c) Quyết định, kết luận, ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại chưa công khai (trừ quy định điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định này).

d) Tài liệu, tư liệu lưu trữ về lịch sử Đảng, thân thế, sự nghiệp các đồng chí lãnh đạo Đảng chưa được thẩm định, xác minh, kết luận; hồ sơ, tài liệu về các vụ việc, vụ án phản cách mạng, vụ án chống Đảng; danh mục tài liệu tại các Lưu trữ lịch sử của Đảng có liên quan đến chính trị, quốc phòng, an ninh và lợi ích quốc gia chưa công khai.

2. Thông tin về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng gồm:

a) Văn bản, chương trình, kế hoạch của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban kiểm tra Trung ương và cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp tỉnh, cấp huyện về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng khi có dấu hiệu vi phạm chưa công khai (trừ quy định tại khoản 1 Điều 1 và điểm b khoản 2 Điều 2 Quyết định này).

b) Quyết định, kế hoạch, báo cáo, thông báo, biên bản, văn bản của Trung ương Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương về kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại đối với các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng và nguyên Ủy viên Trung ương Đảng chưa công khai (trừ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Quyết định này).

c) Quyết định, kế hoạch, báo cáo, tờ trình, thông báo, biên bản, văn bản của Trung ương Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, cấp ủy và Ủy ban kiểm tra cấp tỉnh về kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xem xét thi

hành kỷ luật đảng đối với cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện, các đồng chí thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và các đồng chí ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh, cấp ủy cấp huyện chưa công khai.

3. Thông tin về công tác tổ chức xây dựng đảng gồm:

a) Nghị quyết, quyết định, kết luận, đề án, kế hoạch, báo cáo, tờ trình, công văn của Trung ương Đảng, cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện về chủ trương thành lập, giải thể, sáp nhập, nhập chia, điều chỉnh, phân định địa giới hành chính khu vực biên giới, biên đảo và khu vực có vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh chưa công khai.

b) Nghị quyết, kết luận, báo cáo, tờ trình, văn bản (trừ các Quyết định, thông báo) của cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng các cấp (trừ cấp cơ sở), các ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ chức kiêm nhiệm khác về công tác tổ chức, cán bộ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương thành lập và tổ giúp việc, tổ biên tập của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương về đề án nhân sự, quy hoạch; về thẩm định, đánh giá, nhận xét, cho ý kiến việc luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, phân công, giới thiệu ứng cử, miễn nhiệm, kỷ luật đối với cán bộ thuộc diện Ban Bí thư; tổ chức đảng trực thuộc Trung ương, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh quản lý và cán bộ cấp tổng cục, cấp cục, cấp vụ và tương đương của các cơ quan, tổ chức đảng ở Trung ương chưa công khai.

c) Kết luận, thông báo, báo cáo, tờ trình, văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu giúp việc của cấp ủy ở Trung ương về quá trình phong, thăng quân hàm cấp tướng, Phó Đô đốc, Chuẩn Đô đốc Hải quân trong quân đội, công an chưa công khai.

d) Báo cáo, bản kiểm điểm, gợi ý kiểm điểm của tập thể và cá nhân các đồng chí thuộc diện Ban Bí thư, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh quản lý có nội dung kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, an ninh quốc gia chưa công khai.

đ) Quyết định, kết luận, báo cáo, thông báo, văn bản của cấp ủy, cơ quan đảng các cấp đối với cán bộ, đảng viên có vấn đề về chính trị hiện nay chưa công khai (trừ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 và điểm d khoản 3 Điều 2 Quyết định này).

e) Văn bản của cơ quan, tổ chức đảng quy định, hướng dẫn, trao đổi về công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng; văn bản chỉ đạo, định hướng, xem xét, đánh giá và bố trí cán bộ, đảng viên có vấn đề chính trị.

g) Văn bản của cơ quan, tổ chức đảng chỉ đạo, hướng dẫn, trao đổi về công tác đảng viên liên quan đến dân tộc thiểu số, tôn giáo và đảng viên ở nước ngoài có chứa thông tin, nhận xét, đánh giá ảnh hưởng đến chính trị, quốc phòng, an ninh chưa công khai.

4. Thông tin về công tác tuyên giáo (trừ quy định tại khoản 4 Điều 2 Quyết định này) gồm:

a) Chỉ thị, nghị quyết, kết luận, đề án, tờ trình, kế hoạch, báo cáo, văn bản của cấp ủy, ban tuyên giáo cấp ủy các cấp về xác định đối tượng, các biện pháp, đối sách, kết quả đấu tranh phòng, chống âm mưu, thủ đoạn chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ trên lĩnh vực tư tưởng lý luận, “diễn biến hòa bình” chưa công khai.

b) Văn bản của cấp ủy, Ban tuyên giáo, Ban chỉ đạo về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch các cấp có nội dung đánh giá tình hình, công tác đấu tranh phản bác các quan điểm, luận điệu sai trái, thù địch chưa công khai (trừ thông kê số lượt tin bài, cộng tác viên, văn bản thành lập ban chỉ đạo).

c) Báo cáo, thông báo, văn bản của cấp ủy về tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên đối với các vụ việc, vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; vụ việc, vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội; vụ việc, vụ án tham nhũng, chức vụ nghiêm trọng; vụ việc, vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm.

5. Thông tin về công tác đối ngoại đảng, đối ngoại nhân dân gồm:

a) Kế hoạch, đề án, báo cáo, văn bản về hoạt động đối ngoại của Trung ương Đảng, các cơ quan đảng, đảng ủy, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Trung ương chưa công khai.

b) Báo cáo, kế hoạch, chương trình, đề án, tờ trình, văn bản và văn kiện ngoại giao của các đoàn đại biểu cấp cao Đảng ta đi thăm nước ngoài và đón các đoàn đại biểu cấp cao các đảng, các nước, các tổ chức quốc tế đến thăm và làm việc tại Việt Nam có nội dung liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia chưa công khai.

c) Báo cáo, kế hoạch, đề án, phương án, tờ trình, công văn và văn kiện, thỏa thuận đối ngoại của các cơ quan đảng trực thuộc Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh về các cuộc gặp, làm việc với các đảng, các nước, các địa phương nước ngoài có chung biên giới, các tổ chức nước ngoài có nội dung liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia chưa công khai.

d) Báo cáo, văn bản của Ban Đối ngoại Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh có nội dung nhận xét, đánh giá, kiến nghị về các vấn đề đối ngoại của quốc tế, khu vực và các nước láng giềng, về chủ trương đối ngoại và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh chưa công khai.

6. Thông tin về kinh tế - xã hội gồm: Quyết định, kết luận, đề án, tờ trình, báo cáo, thông báo, văn bản của cơ quan, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy về chủ trương đầu tư, phát triển dự án kinh tế vùng, khu vực của tỉnh, thành phố gắn với nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

7. Thông tin về công tác dân vận gồm:

a) Báo cáo, thông báo, văn bản của các cấp ủy, ban dân vận cấp ủy và các cơ quan, tổ chức đảng (trừ cấp cơ sở) về công tác dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng liên quan đến an ninh, chính trị, đối ngoại và hoạt động của các đối tượng, tổ chức, phản động liên quan đến an ninh, chính trị, đối ngoại vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo chưa công khai.

b) Báo cáo của cấp ủy, ban dân vận cấp ủy các cấp về kết quả làm việc với các tổ chức tôn giáo, chức sắc và lực lượng cốt cán trong tôn giáo, người có uy tín trong tôn giáo, dân tộc thiểu số có tác động, ảnh hưởng đến chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

c) Nghị quyết, quyết định, kết luận, hướng dẫn, tờ trình, báo cáo, văn bản của các cấp ủy, cơ quan đảng về đảng viên được cấp có thẩm quyền lựa chọn, bổ trí, tranh thủ trong tôn giáo chưa công khai (trừ quy định tại điểm g khoản 3 Điều 3 Quyết định này).

d) Báo cáo, văn bản của các cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng về lựa chọn, bổ trí, tranh thủ lực lượng cốt cán đặc thù, cốt cán phong trào trong tôn giáo.

8. Thông tin về công tác nội chính gồm:

a) Nghị quyết, kết luận, đề án, thông báo, chương trình, kế hoạch, văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Nội chính Trung ương, Ban Chỉ đạo về phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực cấp tỉnh trở lên và cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng (trừ cấp cơ sở) có nội dung đánh giá, nhận xét, chỉ đạo định hướng, theo dõi, nắm tình hình, xử lý các vấn đề, vụ việc, vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; vụ việc, vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội; vụ việc, vụ án tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nghiêm trọng; vụ việc, vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm.

b) Văn bản của cơ quan, tổ chức đảng có chứa thông tin đánh giá về tình hình, kết quả công tác bảo vệ chính trị nội bộ phức tạp chưa công khai.

9. Thông tin về quốc phòng, an ninh gồm:

a) Văn bản, ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan, tổ chức đảng về chủ trương, phương hướng, biện pháp giải quyết, xử lý các vụ việc là điểm nóng phức tạp về an ninh trật tự ở địa phương, trong vùng dân tộc, tôn giáo, khu kinh tế, khu vực biên giới, hải đảo.

b) Văn bản, ý kiến chỉ đạo của cơ quan, tổ chức đảng về triển khai các phương án, kế hoạch, lực lượng, biện pháp công tác quốc phòng, quân sự tại địa phương chưa công khai.

c) Nghị quyết, chỉ thị, quyết định, kết luận, báo cáo, kế hoạch, hướng dẫn, văn bản của cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng các cấp (trừ cấp cơ sở) về xây dựng lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tại địa phương.

10. Thông tin về khoa học và công nghệ gồm: văn bản, ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương Đảng, cơ quan, tổ chức đảng về chủ trương, chính sách liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ đổi mới sáng tạo, năng lực nguyên tử chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố công khai (trừ quy định tại khoản 10 Điều 2 Quyết định này).

11. Thông tin, tài liệu về địa điểm làm việc, lưu giữ bí mật nhà nước của Trung ương Đảng, của các cơ quan đảng ở Trung ương và lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước gồm:

a) Văn bản chứa nội dung phản ánh chi tiết về bản vẽ thiết kế xây dựng, bản vẽ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thiết kế hệ thống quản lý địa điểm, bản vẽ thiết kế hệ thống giám sát an ninh, bản vẽ thiết kế hệ thống thông tin liên lạc; bản đồ, sơ đồ thể hiện vị trí các phòng làm việc, nơi lưu giữ bí mật nhà nước.

b) Bản vẽ thiết kế xây dựng, bản vẽ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thiết kế hệ thống quản lý địa điểm, bản vẽ thiết kế hệ thống giám sát an ninh, bản vẽ thiết kế hệ thống thông tin liên lạc; bản đồ, sơ đồ thể hiện vị trí các phòng làm việc, địa điểm lưu giữ bí mật nhà nước.

c) Phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh, an toàn địa điểm làm việc, lưu giữ bí mật nhà nước của Trung ương Đảng, các cơ quan đảng ở Trung ương và lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước.

d) Địa điểm tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước; nơi cất giữ sản phẩm mật mã, nơi mã hóa, giải mã thông tin bí mật nhà nước; nơi lưu giữ, bảo quản tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.

12. Thông tin, tài liệu về hệ thống mạng máy tính, hệ thống cơ sở dữ liệu bí mật nhà nước của Đảng gồm:

a) Bản thiết kế kỹ thuật hệ thống mạng máy tính, hệ thống cơ sở dữ liệu bí mật nhà nước của Đảng.

b) Sơ đồ, bản vẽ thể hiện vị trí lắp đặt phương tiện, thiết bị thuộc hệ thống mạng máy tính.

c) Phương án kết nối, chia sẻ dữ liệu.

d) Phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống mạng máy tính, hệ thống cơ sở dữ liệu bí mật nhà nước của Đảng.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục bí mật nhà nước của Đảng.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

2. Các cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng từ trung ương đến cơ sở; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tỉnh ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Cục A03, Bộ Công an;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, NC (2). 472

